TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST Ngày 24-01-2025 *V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Tuấn;

2. Bà Hoàng Thị Hiệu.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1993, đăng ký thường trú tại: Thôn T, xã T (trước đây là xã T1), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1989, cư trú tại: Thôn Th, xã T (trước đây là xã T1), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành án tại Đội phạm nhân số 25, Phân trại số 2, Trại giam N, Bộ Công an, địa chỉ: phường B (trước đây là thị trấn B), thị xã K (trước đây là huyện K), tỉnh H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 và các lời khai sau đó nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Phan Văn Đ không được tự do tìm hiểu nhau mà biết nhau qua mai mối và tự nguyện kết hôn. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T1, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 10/9/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh Phan Văn Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, tụ tập ăn chơi, không chăm lo cho gia đình. Chị khuyên bảo nhưng không được, nhiều lần vợ chồng cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau. Anh Phan Văn Đ đi đâu, làm gì thì chị cũng không biết, mỗi khi về nhà chỉ phá phách gia đình. Từ đầu năm 2023, chị mang 02 con về nhà bố mẹ đẻ sống, không còn liên lạc, không qua lại với anh Phan Văn Đ nữa. Đến thời gian gần đây chị mới biết thông tin anh Phan Văn Đ đã vi phạm pháp luật về ma tuý và đang chấp hành án tại Trại giam N thuộc Bộ Công an. Nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Phan Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Chị làm lao động tự do có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở tại nhà bố mẹ đẻ là ông Nông Văn T, sinh năm 1962 và bà Hà Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bố mẹ đẻ chị cam kết hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị đảm bảo mình đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không vay nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn Đ trình bày về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung như chị Nông Thị N trình bày là đúng. Vợ chồng có mâu thuẫn là do anh vi phạm pháp luật và đang chấp hành án hình phạt tù nên vợ chồng xa cách, tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay, chị Nông Thị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đồng ý để chị Nông Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi, anh chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị N không yêu cầu. Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng không vay nợ ai.

Tại bản tự khai, cháu Phan Thuỳ L và cháu Phan Thuỳ T đều trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Nông Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Phan

Văn Đ. Anh Phan Văn Đ không tham gia tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nông Thị N và bị đơn anh Phan Văn Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nông Thị N và anh Phan Văn Đ kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T (trước đây là xã T1), huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 10/9/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, chị Nông Thị N yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị N được ly hôn với anh Phan Văn Đ. Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Phan Văn Đ có 02 con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 đều đang sống cùng chị Nông Thị N. Cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Nông Thị N. Chị Nông Thị N có đủ điều kiện nuôi con chung, anh Phan Văn Đ đồng ý giao con chung cho chị Nông Thị N nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Phan Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị N không yêu cầu. Anh Phan Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Về tài sản chung, nợ chung: Không có; đề nghị không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị N và bị đơn anh Phan Văn Đ vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Văn Đ cư trú tại thôn T, xã T (trước đây là xã T1), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Phan Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (trước đây là xã T1), huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 10/9/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nông Thị N và anh Phan Văn Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay và không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Chị Nông Thị N yêu cầu ly hôn, anh Phan Văn Đ đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nông Thị N và anh Phan Văn Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Phan Văn Đ có 02 (hai) con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 đều đang sống cùng chị Nông Thị N. Cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Nông Thị N. Chị Nông Thị N có chỗ ở, việc làm ổn định, có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Phan Văn Đ đồng ý giao cả 02 (hai) con chung cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Vì vậy, để bảo đảm sự phát triển toàn diện cho trẻ em, Hội đồng xét xử giao cả 02 (hai) con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Phan Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị N không yêu cầu. Anh Phan Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị N và anh Phan Văn Đ không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20, đăng ký ngày 10/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T (trước đây là xã T1), huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao 02 (hai) con chung là cháu Phan Thuỳ L, sinh ngày 26/9/2012 và cháu Phan Thuỳ T, sinh ngày 24/12/2017 cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị N không yêu cầu. Anh Phan Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nông Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nông Thị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0002735 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T (trước đây là xã T1), huyện Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang